

Bản án số: 113/2025/DS-ST
Ngày: 30/9/2025
“*V/v Tranh chấp chia di sản
thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Hồng Diễm**

Các Hội thẩm nhân dân: **Trần Văn Phước và ông Danh Hưởng**

Thư ký phiên tòa: **Ông Tô Hoàng Kha** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – CM.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – CM tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – CM mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 366/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp chia di sản thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 277/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Lương Văn Ch**, sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Th Đ, xã VP, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Lương Văn Ch**: Ông **Lư Trường L**, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp AK, xã VM, tỉnh CM.

Bị đơn: Bà **Lương Thị H**, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp BL, xã VL, tỉnh CM).

Người đại diện theo ủy quyền của bà **Lương Thị H**: Ông **Phan Văn S**, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp LT, xã PL, tỉnh CM.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân xã VL, tỉnh CM

Địa chỉ: ấp CĐ, xã VL, tỉnh CM

(Ông Ch, ông Lâm, bà H, ông Sơn có mặt; Ủy ban nhân dân xã VL vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông **Lương Văn Ch** trình bày: Cha ông là cụ **Lương Văn L** (chết năm 2007) và cụ **Nguyễn Thị M** (chết năm 2022), cha mẹ ông có 02 người con là ông và bà **Lương Thị H**. Trong thời gian cha mẹ ông chung sống có tạo lập được một số tài

sản chung gồm có các diện tích đất qua đo đạc thực tế: Diện tích 9613,5m² nằm trong thửa số 591, tờ bản đồ số 06 do cụ Lương Văn L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích 2701m² nằm trong thửa số 98, tờ bản đồ số 06 do bà Lương Thị H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Diện tích 13278,3m² nằm trong thửa số 873, tờ bản đồ số 04 do cụ Nguyễn Thị M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ L và cụ M chết không có để lại di chúc, toàn bộ các di sản này do bà Lương Thị H đang trực tiếp quản lý. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia các di sản nêu trên cho ông và bà H theo quy định pháp luật. Ông đồng ý nhận giá trị các di sản và đồng ý giao các di sản cho bà H tiếp tục quản lý.

Ông yêu cầu rút lại yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 311m² nằm trong phần đất ven sông Cái Lớn thể hiện trên tờ bản đồ số 06 chưa có tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 1993). Nằm trong thửa S1, tờ bản đồ số 6 chưa có tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

Đối với số tiền 91.375.000 đồng là số tiền bồi thường do thu hồi phần đất nằm trong thửa số 591, tờ bản đồ số 06 do cụ Lương Văn L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là di sản thừa kế nên ông yêu cầu chia theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Lương Thị H về việc yêu cầu công nhận cho bà Lương Thị H đối với diện tích đất qua đo đạc thực tế là 9613,5m² nằm trong thửa số 591, tờ bản đồ số 06 do ông Lương Văn L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông không đồng ý.

Đối với yêu cầu rút lại yêu cầu phản tố về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích đất qua đo đạc thực tế là 9978m² nằm trong thửa số 33 và thửa số 60, tờ bản đồ số 06 do ông đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông không có ý kiến gì.

Bị đơn bà Lương Thị H trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Ch về nguồn gốc và diện tích các phần đất tranh chấp. Ông Ch yêu cầu chia di sản thừa kế đối với Diện tích 13278,3m² nằm trong thửa số 873, tờ bản đồ số 04 do cụ Nguyễn Thị M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà đồng ý, bà đồng ý trả giá trị đất cho ông Ch và yêu cầu được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất này. Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế diện tích đất là diện tích 9613,5m² nằm trong thửa số 591, tờ bản đồ số 06 do ông Lương Văn L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 2701m² nằm trong thửa số 98, tờ bản đồ số 06 do bà đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia số tiền bồi thường do thu hồi phần đất tại thửa số 591, tờ bản đồ số 06 là 91.375.000 đồng thì bà không đồng ý. Bà yêu cầu Tòa án công nhận cho bà đối với diện tích đất qua đo đạc thực tế 9613,5m² nằm trong thửa số 591, tờ bản đồ số 06 do ông Lương Văn L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo biên bản họp gia đình ngày 24/11/2008 và yêu cầu được hưởng số tiền bồi thường do thu hồi diện tích đất này với số tiền 91.375.000 đồng. Bà yêu cầu rút lại yêu cầu phản tố về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích đất là

9978m² nằm trong thửa số 33 và thửa số 60, tờ bản đồ số 06 do ông Lương Văn Ch đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ủy ban nhân dân xã VL A trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lương Văn Ch tại thửa số 581, tờ bản đồ số 06 diện tích 9500m² đất tọa lạc tại ấp BL, xã VL A, huyện HD, tỉnh BL (nay là ấp BL, xã VL, tỉnh CM) thì hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng trình tự thủ tục. Do thửa kế lại thửa đất theo bản đồ thành lập năm 1993 (theo thửa đất đã cấp cho ông Lương Văn L) nên chỉ trích lục thửa đất mà không có trích đo.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lương Thị H tại thửa số 98, tờ bản đồ số 06 diện tích 2800,6m² đất tọa lạc tại ấp BL, xã VL A, huyện HD, tỉnh BL (nay là ấp BL, xã VL, tỉnh CM) thì hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng trình tự thủ tục. Có cơ quan chuyên môn đo đạc (Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực HD).

Việc ông Lương Văn Ch yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Lương Thị H thì Ủy ban nhân dân xã VL không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay các đương sự, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn Ch về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với bà Lương Thị H.

Buộc bà Lương Thị H có nghĩa vụ giao trả cho ông Lương Văn Ch số tiền 632.936.250 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Bà Lương Thị H được toàn quyền sở hữu, sử dụng các phần đất diện tích qua đo đạc thực tế Diện tích 9613,5m² nằm trong thửa số 591, tờ bản đồ số 06 do ông Lương Văn L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 1993). Nằm trong thửa số 38, tờ bản đồ số 6 do bà Nguyễn Thị M đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009); Diện tích 13278,3m² nằm trong thửa số 873, tờ bản đồ số 04 do bà Nguyễn Thị M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009) và Diện tích 2701m² nằm trong thửa số 98, tờ bản đồ số 06 do bà Lương Thị H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009). Bà Lương Thị H được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2/. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn Ch đối với diện tích đất là 311m² nằm trong phần đất ven sông Cái Lớn thể hiện trên tờ bản đồ số 06 chưa có tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 1993). Nằm trong thửa S1, tờ bản đồ số 6 chưa có tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

3/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn Ch về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích 9613,5m² nằm trong thửa số 591, tờ bản đồ số 06 do ông Lương Văn L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 1993). Nằm trong thửa số 38, tờ bản đồ số 6 do bà Nguyễn Thị M đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009).

4/. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bà Lương Thị H đối yêu cầu chia di sản thừa kế diện tích đất là 9978m² nằm trong thửa số 33 và thửa số 60, tờ bản đồ số 06 do ông Lương Văn Ch đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009).

5/. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lương Thị H về việc yêu cầu công nhận thừa kế quyền sử dụng đối với diện tích đất qua đo đạc thực tế 9613,5m² nằm trong thửa số 591, tờ bản đồ số 06 do cụ Lương Văn L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 1993). Nằm trong thửa số 38, tờ bản đồ số 6 do cụ Nguyễn Thị M đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009). Công nhận thừa kế quyền sử dụng cho bà Lương Thị H đối với diện tích đất qua đo đạc thực tế 9613,5m² nằm trong thửa số 591, tờ bản đồ số 06 do cụ Lương Văn L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 1993). Nằm trong thửa số 38, tờ bản đồ số 6 do cụ Nguyễn Thị M đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009).

6/. Bà Lương Thị H có nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để nhận số tiền bồi thường là 91.375.000 đồng.

7/. Về chi phí tố tụng và án phí các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn ông Lương Văn Ch khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế với bị đơn bà Lương Thị H. Bị đơn bà Lương Thị H và di sản thừa kế có địa chỉ tại xã VL A, huyện HD, tỉnh BL (nay là xã VL, tỉnh CM) nên căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân

sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HD (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – CM).

Đại diện Ủy ban nhân dân xã VL có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với Đại diện Ủy ban nhân dân xã VL.

[2] *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Văn Ch yêu cầu chia di sản thừa kế với bị đơn bà Lương Thị H. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện HD thì các phần đất tranh chấp có tứ cạnh, diện tích và hiện trạng trên đất như sau:

Phần đất thứ nhất:

Hướng Đông giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Suôi cạnh dài 291,5m

Hướng Tây giáp phần đất của ông Nguyễn Hoài Ân cạnh dài 79,66m

Cạnh hướng Nam giáp phần đất đang tranh chấp thứ 3 cạnh dài 29,7m

Hướng Bắc giáp đường bê tông cạnh dài 38,7m

Diện tích 9613,5m² nằm trong thửa số 591, tờ bản đồ số 06 do ông Lương Văn L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 1993). Nằm trong thửa số 38, tờ bản đồ số 6 do bà Nguyễn Thị M đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009).

Hiện trạng phần đất tranh chấp: đất nuôi trồng thủy sản, trên phần đất không có cây trồng hay công trình kiến trúc.

Phần đất tọa lạc tại ấp BL, xã VL A, huyện HD, tỉnh BL (nay là ấp BL, xã VL, tỉnh CM).

Phần đất thứ hai:

Hướng Đông giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Suôi cạnh dài 81,89m

Hướng Tây giáp phần đất của ông Nguyễn Hoài Ân cạnh dài 79,66m

Cạnh hướng Nam giáp đang tranh chấp thửa số 3 cạnh dài 29,7m

Hướng Bắc giáp đường bê tông cạnh dài 38,7m

Diện tích 2701m² nằm trong thửa số 98, tờ bản đồ số 06 do bà Lương Thị H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009).

Hiện trạng trên thửa đất tranh chấp: có 01 căn nhà ngang 6m dài 11m, kiến trúc lợp tol xi măng, vách lá, nền đất, sườn cây gỗ địa phương căn nhà này do bà Lương Thị H xây dựng; 01 nhà vệ sinh có hầm tự hoại ngang 2,5m dài 1,6m, cao 2m; 01 cây nước ngầm phi 49, diện tích sân xi măng ngang 10,5m dài 8m

Phần đất tọa lạc tại ấp BL, xã VL A, huyện HD, tỉnh BL (nay là ấp BL, xã VL, tỉnh CM).

Phần đất thứ ba:

Hướng Đông giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Suôi cạnh dài 10,21m

Hướng Tây giáp phần đất của ông Nguyễn Hoài Ân cạnh dài 12,64m

Cạnh hướng Nam giáp sông Cái Lớn cạnh dài 29,6m

Hướng Bắc giáp phần đất đang tranh chấp số 2 cạnh dài 29,7m

Diện tích 311m² nằm trong phần đất ven sông Cái Lớn thể hiện trên tờ bản đồ số 06 chưa có tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 1993). Nằm trong thửa S1, tờ bản đồ số 6 chưa có tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

Hiện trạng phần đất tranh chấp: đất nuôi trồng thủy sản, trên phần đất không có cây trồng hay công trình kiến trúc.

Phần đất tọa lạc tại ấp BL, xã VL A, huyện HD, tỉnh BL (nay là ấp BL, xã VL, tỉnh CM).

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện HD thì các phần đất tranh chấp có tứ cạnh, diện tích và hiện trạng trên đất như sau:

Phần đất thứ tư:

Hướng Đông Bắc giáp kênh Thủy Lợi cạnh dài 63,63 +36,6m

Hướng Tây Nam giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Tuấn cạnh dài 98,1m

Cạnh hướng Tây Bắc giáp phần đất của ông Ngô Văn Lài cạnh dài 133,11m

Hướng Đông Nam giáp phần đất của ông Đặng Văn Danh cạnh dài 132,77m

Diện tích 13278,3m² nằm trong thửa số 873, tờ bản đồ số 04 do bà Nguyễn Thị M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009).

Hiện trạng trên thửa đất tranh chấp: có 01 căn nhà ngang 7,4m dài 12,15m, kiến trúc khung sườn bê tông cốt thép, đòn tay gỗ và kèo tiền chế, mái lợp tôn lạnh, vách xây tường cao 2,2m, vách trên lợp tôn lạnh, dán gạch tường cao 1,2m, nền lát gạch men; 18 cây dừa chưa cho trái; 07 cây dừa cho trái; 20 cây chuối cho trái; 01 cây mít đang cho trái; 01 cây mít chưa cho trái; 01 bụi lục bình; 01 cây măng cầu gai cho trái; 01 cây tắc đang cho trái; 01 cây cóc đang cho trái.

Phần đất tọa lạc tại ấp LX, xã VL A, huyện HD, tỉnh BL (nay là ấp LX, xã VL, tỉnh CM).

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đối với diện tích 311m² nằm trong phần đất ven sông Cái Lớn thể hiện trên tờ bản đồ số 06 chưa có tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cho đối tượng nào (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 1993). Nằm trong thửa S1, tờ bản đồ số 6 chưa có tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào. Xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn có yêu cầu rút đơn khởi kiện đối với diện tích đất này. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy nguồn gốc các phần đất tranh chấp thứ nhất và thứ tư là của cụ Lương Văn L và bà Nguyễn Thị M khai phá. Qua kết quả đo đạc thực tế phần đất thứ hai và thứ tư thì cụ L và cụ M vẫn còn đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên có căn cứ xác định đây là di sản do cụ L và cụ M khi chết để lại. Tuy nhiên, theo biên bản họp gia đình ngày 24/11/2008 được Ủy ban nhân dân xã VL A, huyện HD, tỉnh BL xác nhận vào ngày 08/12/2008. Xét thấy, theo biên bản họp gia đình này thì cụ Nguyễn Thị M, ông Lương Văn Ch và bà Lương Thị H thống nhất thỏa thuận: thửa đất số 0591 tờ bản đồ số 06 có diện tích 10.150m² (Qua đo đạc thực tế là 9613,5m²) do bà Lương Thị H thừa kế; thửa đất số 0581 tờ bản đồ số 06 có diện tích 9500m² (qua đo đạc thực tế là 9978m²) do ông Lương Văn Ch thừa kế; thửa đất số 0044 tờ bản đồ số 07 có diện tích 13000m² (qua đo đạc thực tế là 13278,3m²) do cụ Nguyễn Thị M thừa kế. Sau khi ký biên bản họp gia đình thì ông Lương Văn Ch đã đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 0581 tờ bản đồ số 06 có diện tích 9500m² (qua đo đạc thực tế là 9978m² nằm trong thửa số 33 và thửa số 60, tờ bản đồ số 06 do ông Lương Văn Ch đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009). Tại công văn số 103/UBND ngày 25/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã VL xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lương Văn Ch tại thửa đất này thì tình tự thủ tục đúng theo quy định pháp luật, căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ch dựa vào thừa kế của cụ Lương Văn L. Mặt khác, bị đơn có yêu cầu công nhận thừa kế thửa đất số 0591, tờ bản đồ số 06, diện tích 10.150m² (Qua đo đạc thực tế là 9613,5m² nằm trong thửa số 591, tờ bản đồ số 06 do ông Lương Văn L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo biên bản họp gia đình ngày 24/11/2008. Do đó, có cơ sở xác định đây là di sản của cụ L khi chết để lại, sau đó cụ M, ông Ch và bà H đã thỏa thuận phân chia di sản thừa kế xong tại biên bản họp gia đình ngày 24/11/2008. Nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu chia di sản của ông Ch đối với diện tích đất qua đo đạc thực tế là 9613,5m². Xác định thửa đất số 0044 tờ bản đồ số 07 (theo biên bản họp gia đình ngày 24/11/2008) có diện tích qua đo đạc thực tế là 13278,3m² nằm trong thửa số 873, tờ bản đồ số 04 do cụ Nguyễn Thị M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thị M khi chết để lại nên chỉ chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Ch đối với diện tích đất 13278,3m².

Đối với phần đất tranh chấp thứ hai: Qua đo đạc thực tế là 2701m² phần đất này do bà Lương Thị H đứng tên. Nguồn gốc phần đất này bà H cho rằng được mẹ là cụ M cho trước đây nhưng khi cho không có làm giấy tờ, hiện trạng khi cho là đất hoang cây lá nên khi được cho thì bà đã cải tạo nên mới được hiện trạng là đất nuôi trồng thủy sản như hiện nay. Từ khi được cho thì bà cải tạo và

sử dụng ổn định cho đến nay. Xét thấy: Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp chia di sản thừa kế của ông Lương Văn Ch đối với bà Lương Thị H vào ngày 17/10/2022, ngày 08/12/2022 bà H làm đơn kê khai đăng ký đối với phần đất này là sau ngày ông Ch khởi kiện, bà H cho rằng nguồn gốc là được cha mẹ tặng cho năm 1992 nhưng không có giấy tờ tặng cho. Việc bà H kê khai và Ủy ban nhân dân huyện HD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H đối với diện tích đất trong thời gian tranh chấp là không đúng quy định pháp luật. Do đó, có căn cứ xác định đây là di sản của cụ M và cụ L khi chết để lại, nên chấp nhận yêu cầu chia phần đất này của ông Ch, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Ch về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện HD đã cấp cho bà Lương Thị H đối với diện tích đất này. Tuy nhiên, ông Ch đồng ý nhận giá trị phần đất và đồng ý giao đất cho bà H tiếp tục sử dụng nên không cần hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà H đối với diện tích đất này.

Từ những nhận định nêu trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Ch gồm các thửa đất do cụ M và cụ L khi chết để lại: Diện tích 2701m² nằm trong thửa số 98, tờ bản đồ số 06 do bà Lương Thị H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009) và Diện tích 13278,3m² nằm trong thửa số 873, tờ bản đồ số 04 do bà Nguyễn Thị M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009).

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lương Văn L và cụ Nguyễn Thị M là ông Lương Văn Ch và bà Lương Thị H, do cụ L và cụ M chết không để lại di chúc nên di sản này được chia theo pháp luật, mỗi người là một kỷ phần bằng nhau.

Bà Lương Thị H có yêu cầu được tiếp tục sử dụng các phần đất tranh chấp và đồng ý trả lại giá trị cho ông Lương Văn Ch theo biên bản định giá tài sản. Xét thấy, các phần đất bà H đang trực tiếp quản lý sử dụng nên tiếp tục giao cho bà H quản lý sử dụng và bà H có nghĩa vụ giao trả giá trị chênh lệch cho ông Ch là phù hợp.

Theo biên bản thỏa thuận định giá ngày 29/8/2025: Phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 2701,0m² tọa lạc tại ấp BL, xã VL A, huyện HD, tỉnh BL có giá là 100.000 đồng/m² có giá trị là: 2701m² x 100.000 đồng/m² = 270.100.000 đồng.

Phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 13278,3m² tọa lạc tại ấp LX, xã VL A, huyện HD, tỉnh BL có giá là 75.000 đồng/m² có giá trị là: 13278,3m² x 75.000 đồng/m² = 995.872.500 đồng.

Tổng giá trị 02 phần đất là: 1.265.972.500 đồng. Bà H nhận đất thì trả lại phân nửa giá trị cho ông Ch với số tiền là 632.936.250 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn:

Bà Lương Thị H yêu cầu phản tố đối với các diện tích đất. Qua đo đạc có vị trí, kích thước cụ thể như sau:

Phần đất thứ nhất:

Hướng Đông giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Cho cạnh dài 59,69m

Hướng Tây giáp đường bê tông cạnh dài $9,28\text{m} + 12,58\text{m} + 54,21\text{m}$

Cạnh hướng Nam giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Ý cạnh dài $8,67\text{m} + 6,38\text{m} + 10,1\text{m} + 7,78\text{m} + 9,52\text{m} + 2,99\text{m} + 124,41\text{m}$

Hướng Bắc giáp phần đất của ông Trần Văn Dể cạnh dài $20\text{m} + 123,06\text{m}$

Diện tích 9978m^2 nằm trong thửa số 33 và thửa số 60, tờ bản đồ số 06 do ông Lương Văn Ch đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009).

Phần đất tọa lạc tại ấp BL, xã VL A, huyện HD, tỉnh BL (nay là ấp BL, xã VL, tỉnh CM)

Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Lương Thị H yêu cầu rút lại yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích đất này. Xét thấy, việc rút đơn yêu cầu phản tố của bà Lương Thị H là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu xét xử đối với yêu cầu phản tố này của bà Lương Thị H.

Phần đất thứ hai:

Hướng Đông giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Suôi cạnh dài $291,5\text{m}$

Hướng Tây giáp phần đất của ông Nguyễn Hoài Ân cạnh dài $79,66\text{m}$

Cạnh hướng Nam giáp phần đất đang tranh chấp thứ 3 cạnh dài $29,7\text{m}$

Hướng Bắc giáp đường bê tông cạnh dài $38,7\text{m}$

Diện tích $9613,5\text{m}^2$ nằm trong thửa số 591, tờ bản đồ số 06 do cụ Lương Văn L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 1993). Nằm trong thửa số 38, tờ bản đồ số 6 do cụ Nguyễn Thị M đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009).

Hiện trạng phần đất tranh chấp: đất nuôi trồng thủy sản, trên phần đất không có cây trồng hay công trình kiến trúc.

Phần đất tọa lạc tại ấp BL, xã VL A, huyện HD, tỉnh BL (nay là ấp BL, xã VL, tỉnh CM).

Bà H yêu cầu công nhận diện tích đất này cho bà theo biên bản họp gia đình ngày 24/11/2008. Như nhận định ở phần [2.1] nên chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lương Thị H. Công nhận cho bà Lương Thị H đối với diện tích đất qua đo đạc thực tế $9613,5\text{m}^2$ nằm trong thửa số 591, tờ bản đồ số 06 do cụ Lương Văn L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 1993). Nằm trong thửa số 38, tờ bản đồ số 6 do cụ Nguyễn Thị M đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009).

[2.3] Đối với số tiền bồi thường thu hồi đất là 91.375.000 đồng, đây là số tiền bồi thường do thu hồi phần đất bà H được công nhận nằm trong thửa số

591, tờ bản đồ số 06. Do đó, bà H được nhận số tiền này. Bà H có nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để nhận số tiền bồi thường là 91.375.000 đồng.

[2.4] Bà Lương Thị H được toàn quyền sở hữu, sử dụng các phần đất diện tích qua đo đạc thực tế: Diện tích 9613,5m² nằm trong thửa số 591, tờ bản đồ số 06 do cụ Lương Văn L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 1993). Nằm trong thửa số 38, tờ bản đồ số 6 do cụ Nguyễn Thị M đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009); Diện tích 13278,3m² nằm trong thửa số 873, tờ bản đồ số 04 do cụ Nguyễn Thị M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009) và Diện tích 2701m² nằm trong thửa số 98, tờ bản đồ số 06 do bà Lương Thị H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009). Bà Lương Thị H được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp là 18.916.612 đồng. Ông Lương Văn Ch phải chịu số tiền 9.458.306 đồng, bà H phải chịu số tiền 9.458.306 đồng. Ông Ch đã dự nộp số tiền 12.000.000 đồng, bà Lương Thị H đã dự nộp số tiền 7.000.000 đồng, buộc bà Lương Thị H phải có nghĩa vụ giao trả cho ông Ch số tiền 2.541.694 đồng. Hoàn lại cho ông Lương Văn Ch số tiền 83.388 đồng tại Tòa án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Lương Văn Ch phải chịu số tiền 29.317.000 đồng nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – CM. Tuy nhiên, ông Ch là người cao tuổi thuộc đối tượng miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí phải chịu cho ông Ch. Hoàn lại cho ông Lương Văn Ch số tiền tạm ứng án phí đã tạm dự nộp là 10.625.000 đồng theo biên lai thu số 0006556 ngày 17/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – CM). Buộc bà Lương Thị H phải chịu số tiền 29.317.000 đồng nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – CM.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Lương Văn Ch phải chịu 300.000 đồng nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – CM. Tuy nhiên, ông Ch là người cao tuổi thuộc đối tượng miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí phải chịu cho ông Ch. Hoàn lại cho bà Lương Thị H số tiền tạm ứng án phí đã tạm dự nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004156 ngày 26/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – CM) và số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000190 ngày 04/9/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – CM.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn Ch về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với bà Lương Thị H.

Buộc bà Lương Thị H có nghĩa vụ giao trả cho ông Lương Văn Ch số tiền 632.936.250 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Bà Lương Thị H được toàn quyền sở hữu, sử dụng các phần đất diện tích qua đo đạc thực tế Diện tích 9613,5m² nằm trong thửa số 591, tờ bản đồ số 06 do cụ Lương Văn L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 1993). Nằm trong thửa số 38, tờ bản đồ số 6 do cụ Nguyễn Thị M đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009); Diện tích 13278,3m² nằm trong thửa số 873, tờ bản đồ số 04 do cụ Nguyễn Thị M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009) và Diện tích 2701m² nằm trong thửa số 98, tờ bản đồ số 06 do bà Lương Thị H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009). Bà Lương Thị H được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2/. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn Ch đối với diện tích đất là 311m² nằm trong phần đất ven sông Cái Lớn thể hiện trên tờ bản đồ số 06 chưa có tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 1993). Nằm trong thửa S1, tờ bản đồ số 6 chưa có tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

3/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn Ch về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích 9613,5m² nằm trong thửa số 591, tờ bản đồ số 06 do ông Lương Văn L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 1993). Nằm trong thửa số 38, tờ bản đồ số 6 do bà Nguyễn Thị M đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009).

4/. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bà Lương Thị H đối yêu cầu chia di sản thừa kế diện tích đất là 9978m² nằm trong thửa số 33 và thửa số 60, tờ bản đồ số 06 do ông Lương Văn Ch đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009).

5/. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lương Thị H về việc yêu cầu công nhận thừa kế quyền sử dụng đất đối với diện tích đất qua đo đạc thực tế 9613,5m² nằm trong thửa số 591, tờ bản đồ số 06 do cụ Lương Văn L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 1993). Nằm trong thửa số 38, tờ bản đồ số 6 do cụ Nguyễn Thị M đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009). Công nhận thừa kế quyền sử dụng cho bà Lương Thị H đối với diện tích đất qua đo đạc thực tế 9613,5m² nằm trong thửa số 591, tờ bản đồ số 06 do cụ Lương Văn L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 1993). Nằm trong thửa số 38, tờ bản đồ số 6 do cụ Nguyễn Thị M đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào (Theo hồ sơ địa chính xã VL A thành lập năm 2009).

6/. Bà Lương Thị H có nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để nhận số tiền bồi thường thu hồi đất là 91.375.000 đồng.

7/. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp là 18.916.612 đồng. Ông Lương Văn Ch phải chịu số tiền 9.458.306 đồng, bà H phải chịu số tiền 9.458.306 đồng. Ông Ch đã dự nộp số tiền 12.000.000 đồng, bà Lương Thị H đã dự nộp số tiền 7.000.000 đồng, buộc bà Lương Thị H phải có nghĩa vụ giao trả cho ông Ch số tiền 2.541.694 đồng. Hoàn lại cho ông Lương Văn Ch số tiền 83.388 đồng tại Tòa án.

8/. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Lương Văn Ch phải chịu số tiền 29.317.000 đồng nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – CM. Tuy nhiên, ông Ch là người cao tuổi thuộc đối tượng miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí phải chịu cho ông Ch. Hoàn lại cho ông Lương Văn Ch số tiền tạm ứng án phí đã tạm dự nộp là 10.625.000 đồng theo biên lai thu số 0006556 ngày 17/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – CM). Buộc bà Lương Thị H phải chịu số tiền 29.317.000 đồng nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – CM.

9/. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Lương Văn Ch phải chịu 300.000 đồng nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – CM. Tuy nhiên, ông Ch là người cao tuổi thuộc đối tượng miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí phải chịu cho ông Ch. Hoàn lại cho bà Lương Thị H số tiền tạm ứng án phí đã tạm dự nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004156 ngày 26/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – CM) và số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000190 ngày 04/9/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – CM.

10/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

11/. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh CM;
- VKSND Khu vực 9 – CM;
- Phòng THADS Khu vực 9 – CM;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Trương Hồng Diễm